

Bản án số: 66 /2022/ HSST
Ngày: 23 / 12/ 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Phạm Văn Sỹ.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/ 2022/TLST- HS ngày 13 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn Đ, sinh năm 1983; nơi sinh: Tại thành phố Hải Phòng; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Xóm 10A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Nhân viên công ty TNHH Hải H; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đào Thị L; có vợ: Chị Trần Thị H và có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 15/4/2022 đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1985; nơi sinh: Tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đào Thị L; có vợ: Chị Đỗ Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 15/4/2022 đến nay; có mặt.

3. Họ và tên: Bùi Đình C, sinh năm 1979; nơi sinh: Tại tỉnh Thái Bình; nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Xóm 10A, xã K,

huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Nhân viên công ty TNHH Hải H; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Dũng T và bà Ngô Thị D; có vợ: Chị Nguyễn Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bản án số 62/2017/HSPT ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Bùi Đình C 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc (án tích đã được xóa).

Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 15/4/2022 đến nay; có mặt.

4. Họ và tên: Vũ Đức H, sinh năm 1991; nơi sinh: Tại thành phố Hải Phòng; Nơi ĐKKTT: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức K và bà Nguyễn Thị N; có vợ: Chị Đỗ Thị L và có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 15/4/2022 đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Công ty TNHH Hải H; địa chỉ trụ sở chính: Số 56, Phan Bội C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Quách Thị Lan P - Chức vụ giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Minh H - Chức vụ: Cán bộ văn phòng Chi nhánh Công ty TNHH Hải H tại Ninh Bình, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền lập ngày 13/4/2022); vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Công ty TNHH Cát Nhật M; địa chỉ trụ sở chính: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H - Chức vụ, giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị N - Chức vụ, Phó giám đốc Công ty TNHH Cát Nhật M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/4/2022), vắng mặt.

+ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch K; địa chỉ trụ sở chính: 62- 64 Tôn Đức T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ, giám đốc Sacombank Chi nhánh Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ, Trưởng phòng giao dịch K - Chi nhánh Hải Phòng, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 25-27-29 Trần Thành N, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền ký hợp đồng và tham gia tố tụng lập ngày 31/12/2021), vắng mặt.

+ Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Quốc Tế Việt nam; có trụ sở tại: Tầng 1 và tầng 2; Tòa nhà SaiLing Tower, số 111A Pasteur Phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ, giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Đ - Chức vụ: Cán bộ

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà H, số 25 Lý Thường K, quận H, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 20/12/2022), có mặt.

+ Chị Đinh Thị M; sinh năm 1994; trú tại: Xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1984; trú tại: Xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị L; sinh năm 1992; trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H; sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã Ch, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Trung K; ông Trần Văn T; ông Trần Văn M; chị Lương Thị L; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Hải H kinh doanh lĩnh vực gia công phụ kiện giày da có trụ sở chính đặt tại thành phố Hải Phòng, chi nhánh đặt tại xóm 10A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, giám đốc công ty là chị Quách Thị Lan P, sinh năm 1973, trú tại phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH Hải H thuê ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958, trú tại xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và ông Trần Văn M, sinh năm 1953, trú tại xóm 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình làm bảo vệ tại chi nhánh ở Ninh Bình. Hợp đồng lao động giữa ông T, ông M với Công ty TNHH Hải H được thỏa thuận bằng miệng, nhiệm vụ của bảo vệ là trông coi xe của công nhân trong giờ làm việc và trông coi công ty sau khi công nhân nghỉ làm, ngoài ra không thỏa thuận gì khác về trách nhiệm của bảo vệ nếu để xảy ra mất tài sản.

Công ty TNHH Hải H thuê Phạm Văn Đ, sinh năm 1983 trú tại thôn T, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng và Bùi Đình C, sinh năm 1979, trú tại Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình làm nhân viên kỹ thuật tại chi nhánh ở Ninh Bình, hợp đồng lao động giữa Đ, C và công ty được thỏa thuận bằng miệng. Nhiệm vụ của Đ, C là điều hành hoạt động sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân, kiểm tra lỗi của sản phẩm. Do Đ, C đi làm xa nên được bố trí ở lưu trú tại công ty.

Công ty TNHH Hải H chi nhánh Ninh Bình được xây dựng gồm có khu vực văn phòng và khu vực kho xưởng nằm tiếp giáp nhau (có cửa thông giữa 02 khu vực). Kho xưởng có 02 cửa ra vào chính (cửa phía trước tiếp giáp đường ĐT 481b, cửa phía sau tiếp giáp với đường trục xóm 10A, xã K, huyện Y) và 01 cửa phụ bên hông nhà xưởng (gần cửa chính phía trước). Có 01 chốt bảo vệ đặt tại lối vào cửa chính phía trước kho xưởng, ông T và ông M thay nhau trực ở khu vực này. Chìa khóa cửa kho xưởng trước đây giao cho một chủ quản người Trung Quốc quản lý, sau khi người này về nước công ty chưa giao lại cho ai khác. Vì là người ở lưu trú tại công ty nên Đ, C đã tự ý lấy chiếc chìa khóa này để đóng, mở cửa kho xưởng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/12/2021 đến ngày 11/4/2022, Đ, C cùng với Phạm Văn T, Vũ Đức H đã nhiều lần lấy trộm vật liệu gia công giày da của Công ty TNHH Hải H chi nhánh Ninh Bình để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng 19 giờ ngày 28/12/2021, Đ nảy sinh ý định trộm cắp các vật liệu gia công giày da của công ty TNHH Hải H nên rủ C cùng thực hiện, C đồng ý. Trước đó, Đ có liên lạc với chị Hoàng Thị N, sinh năm 1988, trú tại thôn Q, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (Đ quen biết chị N từ trước) là Phó giám đốc Công ty TNHH Cát Nhật M có trụ sở tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (công ty TNHH Cát Nhật M kinh doanh trong lĩnh vực gia công giày da) và biết được công ty của chị N đang thiếu vật liệu sản xuất là keo dán, mút, bìa, vải. Đ nói với chị N là công ty của Đ cũng kinh doanh trong lĩnh vực gia công giày, có một số nguyên vật liệu giá rẻ cần bán nên chị N đồng ý mua.

Sau khi ăn cơm cùng với C xong, Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus lắp sim số thuê bao “0982.805.11..” gọi đến số thuê bao “0965.739.86..” lắp trên điện thoại di động Samsung Galaxy J7 của Phạm Văn T (là em trai Đ) và bảo “*Về công ty chờ cho anh chuyển hàng*”, T hiểu là về chờ hàng cho công ty của Đ lấy tiền cước nên đồng ý. T biết Vũ Đức H có xe ô tô tải chở hàng nên rủ H đi cùng. Sau đó, T, H đi xe ô tô BKS: 15C- 386.7.. từ thành phố Hải Phòng về Ninh Bình. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T, H về tới công ty TNHH Hải H chi nhánh Ninh Bình, lúc này công nhân đã nghỉ làm, chỉ còn Đ, C ở công ty. Đ bảo H điều khiển xe ô tô đi vòng ra lối cửa sau kho xưởng để tránh bị bảo vệ phát hiện. Đ, C đi từ khu phòng ở, qua phòng ăn sang kho xưởng (*kho xưởng và phòng ăn thông nhau qua 01 cửa phụ, cửa này không có khóa*); Đ lấy mảnh vải trong kho che mắt camera ghi hình đặt tại khu phía sau kho xưởng, mở cửa phía sau kho xưởng (cửa chỉ có chốt cài bên trong) rồi cùng C bê, vác 38 cuộn vải TC28G, 33 cuộn mút C329, khổ 44cm, dài 100y từ trong kho ra chỗ xe ô tô. T đứng chờ sẵn ở đuôi xe ô tô, còn H đứng trên thùng xe xếp các cuộn vải, cuộn mút lên thùng xe.

Sau khi lấy được các tài sản trên, Đ gọi điện báo cho chị N về việc chuẩn bị giao hàng đến công ty TNHH Cát Nhật M, chị N đồng ý. Đ giải thích với chị N là kế toán công ty của Đ bị ốm, chưa xuất được hóa đơn, sẽ bù hóa đơn sau nên chị N không nghi ngờ gì. Đ cho T địa chỉ của công ty TNHH Cát Nhật M và bảo T, H chở số hàng trên xe về thành phố Hải Phòng giao hàng; lúc này T, H vẫn chưa biết các cuộn vải, cuộn mút là tài sản trộm cắp mà có nên đồng ý. T, H chở hàng đến công ty TNHH Cát Nhật M giao cho bảo vệ công ty là ông Phạm Trung K, sinh năm 1952, sau đó quay về nhà. Khoảng 05 ngày sau, Đ về thành phố Hải Phòng gặp chị N và lấy số tiền bán các cuộn vải, mút là 18.521.000 đồng. Đ chia cho C 5.000.000 đồng; trả tiền cước xe ô tô cho T là 3.000.000 đồng, T đã đưa hết số tiền này cho H.

Lần thứ hai: khoảng 18 giờ ngày 06/4/2022, sau khi ăn cơm tối xong, C rủ Đ lấy trộm các vật liệu gia công giày da của công ty giống như lần trước thì Đ đồng ý. Đ gọi điện báo T về công ty chờ hàng, T đồng ý và rủ H đi cùng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, T, H đi xe ô tô BKS: 15C- 343.5.. từ thành phố Hải Phòng về đến cửa sau của công ty TNHH Hải H chi nhánh Ninh Bình. Lần này, Đ cũng tìm mảnh vải che mắt camera trong xưởng lại rồi mở chốt cửa phía sau kho xưởng đón T, H. Đ, C vào

trong kho lấy 04 thùng phi keo rồi lăn ra chỗ xe ô tô, T lấy 02 thanh gỗ có sẵn trên xe ô tô làm cầu trượt, Đ, C đứng ở dưới đẩy các thùng phi keo còn T, H đứng trên thùng xe kéo các thùng phi keo lên xe. Sau đó, Đ, C quay vào trong kho tiếp tục bê ra 12 cuộn vải, 01 cuộn vải lưới để T, H xếp lên thùng xe.

Vì cả 02 lần chở hàng đều vào ban đêm, lại không có người kiểm đếm hàng hóa, không có hóa đơn, chứng từ khi giao hàng cho công ty TNHH Cát Nhật M nên T, H nảy sinh nghi ngờ về nguồn gốc số hàng. T hỏi Đ “Sao hàng lại xuất vào ban đêm thế này” thì Đ đáp “Mày hỏi làm gì, chỉ cần biết anh thuê chúng mày chở hàng lấy cước thôi”. Lúc này, T, H hiểu rằng số hàng của Đ là do trộm cắp mà có nhưng vì nể nang nên T, H vẫn đồng ý chở hàng. Sau đó, T, H chở các tài sản trộm cắp được đến công ty TNHH Cát Nhật M giao cho ông K. Sau khi giao hàng xong, T gọi điện báo cho Đ biết đồng thời khuyên Đ đừng lấy trộm tài sản của công ty nữa nhưng Đ không đồng ý.

Lần này, sau khi hàng được chở đến công ty TNHH Cát Nhật M thì Đ mới gọi điện báo cho chị N, Đ tiếp tục nêu lý do kế toán bận chưa xuất được hóa đơn để chị N tin tưởng. Chị N đồng ý mua số hàng trên nhưng chưa thanh toán tiền nên Đ đã tự bỏ tiền của bản thân để đưa cho C 4.500.000 đồng, trả tiền cước xe ô tô cho T là 2.000.000 đồng, T đưa hết số tiền này cho H.

Lần thứ ba, chiều ngày 09/4/2022, sau khi hết giờ làm C bắt xe về nhà để nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương. Đ về sau nên khóa cửa kho xưởng, chìa khóa cửa Đ không cất ở vị trí quy định (ở ngăn bàn trong văn phòng) mà giấu ở khe cửa bên hông nhà xưởng mục đích để đêm ngày hôm sau sẽ quay lại lấy trộm tài sản của công ty. Khoảng 22 giờ ngày 10/4/2022, Đ gặp và rủ T, T rủ H cùng về công ty của Đ để chở hàng, trước khi đi cả T và H đều hiểu là về chở hàng trộm cắp; lần này Đ không nói gì với C. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/4/2022, Đ, T, H đi xe ô tô BKS: 15C- 386.7.. về tới công ty TNHH Hải H chi nhánh Ninh Bình. Quan sát thấy không có ai, bảo vệ đang ngủ nên Đ lén lút đi bộ đến lấy chìa khóa cất giấu từ trước, mở cửa phụ bên hông nhà xưởng rồi đi bộ ra phía sau mở chốt cửa sau kho xưởng, còn T, H đi ô tô vòng ra lối cửa sau. Đ lấy mảnh vải che mắt camera, rồi lăn 04 thùng phi keo từ trong kho ra chỗ xe ô tô, T sử dụng thanh gỗ trên xe làm cầu trượt, Đ và T đứng dưới đẩy còn H đứng trên thùng xe kéo các thùng phi keo lên xe. Đ vào trong kho bê thêm 13 cuộn vải, xách 04 thùng keo nhỏ, 41 tấm bìa, 32 cuộn mút ra xe ô tô để T, H xếp lên thùng xe. Sau khi lấy được các tài sản trên, Đ đóng cửa kho xưởng và cất giấu chìa khóa ở vị trí cũ. Rồi H điều khiển xe ô tô cùng Đ, T đến Công ty TNHH Cát Nhật M giao hàng. Sáng ngày 11/4/2022, Đ quay lại Công ty TNHH Cát Nhật M gặp chị N để thỏa thuận về việc mua bán. Do nhiều lần bán hàng mà không xuất được hóa đơn nên chị N không đồng ý mua hàng của Đ nữa. Tuy nhiên, Đ vẫn để số tài sản trộm cắp được ngày 11/4/2022 ở công ty của chị N.

Ngày 12/4/2022, chị Ngô Thị Minh H, sinh năm 1990 là nhân viên văn phòng và chị Đinh Thị M, sinh năm 1994 là quản lý kho keo của công ty TNHH Hải H chi nhánh Ninh Bình tiến hành kiểm đếm, phát hiện bị mất tài sản trong kho nên đã trình báo cơ quan công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã triệu tập Đ, C, T, H lên làm việc. Đ, C, T, H đều thừa nhận đã lấy trộm các vật liệu gia công giày da là tài sản của công ty TNHH Hải H chi nhánh Ninh Bình. Đ tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7; H giao nộp 02 xe ô tô tải BKS 15C – 386.7.. và xe BKS 15C – 343.5...

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Hoàng Thị N tại Công ty TNHH Cát Nhật M phát hiện, thu giữ: 08 Thùng keo 629; 02 thùng keo 1330P; 02 thùng keo 588; 25 cuộn vải TC28G khổ 45 inch; 41 tấm bìa Bontex 347FF, kích thước (36 x 60) inch, 01 cuộn vải lưới V1 khổ 45 inch, trọng lượng 98,3 kg; 17 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 100y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 52y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 35y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 30y; 02 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 20y; 02 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 15y; 02 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 10y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 5y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 6y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 7y; 02 cuộn mút loại 2mm C329, khổ 44 inch, dài 200y; 01 cuộn mút loại 2mm C329, khổ 44 inch, dài 20y. Chị N khai nhận toàn bộ số hàng trên là của Đ mang đến vào ngày 06/4/2022 và 11/4/2022.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T, nơi ở của Vũ Đức H: không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Y kết luận: “Giá trị của 38 cuộn vải TC28G vào thời điểm ngày 28/12/2022 là **46.514.800 đồng**. Giá trị của 04 thùng keo 629; 12 cuộn vải TC28G và 01 cuộn vải lưới V1 khổ 45 inch vào thời điểm ngày 06/4/2022 là **43.738.300 đồng**. Giá trị của 04 thùng phi keo 629; 02 thùng keo 1330; 02 thùng keo 588T; 41 tấm bìa kích thước (36 x 60) inch và 13 cuộn vải TC28G khổ 45 inch vào thời điểm ngày 11/4/2022 là **46.959.300 đồng**.”

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 30/KLĐG ngày 29/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Y kết luận:

“Giá trị của 33 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 100y vào thời điểm ngày 28/12/2021 là **51.597.400 đồng**.

Giá trị của: 17 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 100y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 52y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 35y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 30y; 02 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 20y; 02 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 15 y; 02 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 10y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 5y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 6y; 01 cuộn mút loại 4mm C329, khổ 44 inch, dài 7y; 02 cuộn mút loại 2mm C329, khổ 44 inch, dài 200y và 01 cuộn mút loại 2mm C329, khổ 44 inch, dài 20y vào thời điểm ngày 11/4/2022 là **33.830.600 đồng**.”

Quá trình điều tra Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Bùi Đình C, Vũ Đức H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

VỀ VẬT CHỨNG VÀ TÀI SẢN THU GIỮ:

- Đối với 08 thùng keo 629, 02 thùng keo 1330, 02 thùng keo 588T, 25 cuộn vải TC28G, 41 tấm bìa kích thước (36x 60) icnh, 01 cuộn vải lưới V1, 62 cuộn mút C329 loại 4mm; 03 cuộn mút C329 loại 2mm (có đặc điểm như trong Lệnh nhập kho số 30 ngày 15/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y) là tài sản của Công ty TNHH Hải H. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty TNHH Hải H thông qua người đại diện theo ủy quyền là chị Ngô Thị Minh H.

- Đối với 38 cuộn vải TC28G; 33 cuộn mút C329, khổ 44icnh, dài 100y là tài sản của Công ty TNHH Hải H bị chiếm đoạt vào ngày 28/12/2021. Quá trình điều tra, xác định sau khi mua hàng của Đ vào ngày 28/12/2021, công ty TNHH Cát Nhật M đã sử dụng hết 38 cuộn vải, 33 cuộn mút nêu trên. Do đó, cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Huyndai mang BKS: 15C- 386.7..; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu JAC mang BKS: 15C- 343.5..; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus lắp sim 0982.805.11.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 lắp sim 0965.739.86.. và 0889.770.80.., được chuyển theo vụ án đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt vào ngày 06/4/2022 và 11/4/2022, Công ty TNHH Hải H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Các bị cáo Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Bùi Đình C, Vũ Đức H đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho Công ty TNHH Hải H số tiền là 100.000.000 đồng (mỗi bị cáo 25.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả. Công ty TNHH Hải H đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự. Bà Quách Thị Lan P đại diện Công ty TNHH Hải H đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSYK ngày 11/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Đình C, Phạm Văn T, Vũ Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Đ, Bùi Đình C, Phạm Văn T và Vũ Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, đối với Phạm Văn Đ.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, đối với Bùi Đình C, Phạm Văn T và Vũ Đức H. Bị cáo H áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn Đ mức án tù 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Đình C mức án từ 36 (ba sáu) tháng đến 42 (bốn hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Đức H mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã thông qua gia đình bồi thường cho Công ty TNHH Hải H về phần tài sản không thu hồi được với giá trị 100.000.000 đồng (mỗi bị cáo 25.000.000 đồng) nay Công ty không có yêu cầu, bồi thường gì khác về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Các Điều 297, 298, 317 của Bộ luật dân sự và Điều 14 Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 chiếc sim điện thoại lắp theo máy đã thu giữ có số thuê bao 0982.805.11..; số thuê bao 0965.739.86.. mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và số thuê bao 0889.770.80.. mà bị cáo T không có nhu cầu nhận lại, do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Giao chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai mang BKS: 15C- 386.7.. và chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu JAC mang BKS: 15C- 343.5..; xe đều có đăng ký mang tên Vũ Đức H, cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình, xử lý để thu hồi nợ cho Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch Kiến A và Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Quốc Tế Việt nam - Chi nhánh Hồ G, theo quy định của pháp luật. Sau khi xử lý tài sản thu hồi nợ cho các Ngân hàng nếu còn dư thì số tiền còn dư này tịch thu 50% là phần tài sản của bị cáo H để sung ngân sách Nhà nước và trả lại 50% cho chị Đỗ Thị L là phần tài sản chung hợp pháp của chị.

Chị H là người đại diện bị hại vắng mặt, song lời khai của chị xác định số tài sản bị trộm cắp là đúng và đã nhận lại tài sản, bồi thường đầy đủ, nay chị không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người đại diện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Hải Phòng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, song về lời khai xác định bị cáo khai về chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp là đúng, nay yêu cầu Tòa án giải quyết để ngân hàng thu hồi nợ, người liên quan khác không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Đ, Bùi Đình C, Phạm Văn T và Vũ Đức H khai nhận: Đ và C là nhân viên kỹ thuật của Công ty TNHH Hải H- Chi nhánh Ninh Bình, làm việc tại xóm 10A, xã K, huyện Y, do ở xa nên được công ty bố trí cho Đ và C lưu trú tại Công ty. Để có tiền chi tiêu Đ, C đã lợi dụng đêm tối và sự quản lý lỏng lẻo tài sản của Công ty, Đ và C đã rủ nhau trộm cắp nguyên vật liệu gia công giày da là tài sản của Công ty TNHH Hải H cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng 19 giờ ngày 28/12/2021, Đ rủ C trộm cắp vật liệu gia công giày da của công ty và được C đồng ý. Do trước đó Đ có ý định trộm cắp nên đã điện thoại cho chị N là Phó giám đốc Công ty TNHH Cát Nhật M ở thành phố Hải Phòng mà Đ quen biết từ trước, Đ nói với chị N là công ty của Đ có một số nguyên vật liệu giá rẻ là keo dán, mút, bìa, vải cần bán nên chị N đồng ý mua, sau đó Đ gọi điện thoại cho T là em trai và bảo “Về công ty chờ cho anh chuyển hàng”, T hiểu là về chờ hàng cho công ty để lấy tiền cước nên đồng ý. T rủ H (T và H là anh em đồng hao) là người có xe ô tô tải chở hàng, H đồng ý, Sau đó H điều khiển xe ô tô BKS: 15C- 386.7.. đi cùng T từ thành phố Hải Phòng về Ninh Bình. T, H về tới công ty TNHH Hải H tại xóm 10A xã K, khoảng 21 giờ, lúc này chỉ có Đ, C đang ở công ty. Đ bảo H điều khiển xe ô tô đi vòng ra lối cửa sau kho xưởng để tránh bị bảo vệ phát hiện. Đ, C đi từ khu phòng ở, qua phòng ăn sang kho xưởng; Đ lấy mảnh vải trong kho che mắt camera ghi hình đặt tại khu phía sau kho xưởng, mở chốt cửa phía sau kho xưởng, rồi cùng C bê, vác 38 cuộn vải TC28G, 33 cuộn mút C329 từ trong kho ra chỗ xe ô tô. T đứng chờ sẵn ở đuôi xe ô tô, còn H đứng trên thùng xe xếp các cuộn vải, cuộn mút lên thùng xe. Sau khi lấy được tài sản, Đ gọi điện báo cho chị N về việc giao hàng và giải thích với chị N là kế toán công ty bị ốm nên chưa xuất được hóa đơn, sẽ bù hóa đơn sau nên chị N đồng ý và không nghi ngờ gì. Đ bảo T, H chở số hàng trên xe về Hải Phòng giao cho công ty TNHH Cát Nhật M, theo địa chỉ mà Đ cung cấp, lúc này T, H vẫn chưa biết các cuộn vải, mút là tài sản trộm cắp nên đồng ý. T, H chở hàng đến công ty TNHH Cát Nhật M, giao cho ông K là bảo vệ công ty. Sau đó Đ về Hải Phòng gặp chị N và lấy số tiền bán các cuộn vải, mút là 18.521.000 đồng. Đ chia cho C 5.000.000 đồng; trả tiền cước xe ô tô cho T là 3.000.000 đồng, T đã đưa hết số tiền này cho H.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 06/4/2022, C rủ Đ lấy trộm tài sản của công ty, Đ đồng ý. Đ gọi điện báo T về công ty chở hàng, T đồng ý và rủ H đi cùng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, H điều khiển xe ô tô BKS: 15C- 343.5.. cùng T về đến cửa sau của công ty TNHH Hải H tại xóm 10A xã K. Lần này, Đ cũng lấy mảnh vải che mắt camera trong xưởng, rồi mở cửa phía sau kho xưởng đón T và H. Đ, C vào trong kho lấy 04 thùng phi keo rồi lăn ra chỗ xe ô tô, T lấy 02 thanh gỗ có sẵn trên xe ô tô làm cầu trượt, Đ, C đứng ở dưới đẩy các thùng phi keo còn T, H đứng trên thùng xe kéo các thùng phi keo lên xe. Sau đó, Đ, C quay vào trong kho tiếp tục bê ra 12 cuộn vải, 01 cuộn vải lưới để T, H xếp lên xe.

Do cả 02 lần chở hàng vào ban đêm, lại không có người kiểm đếm hàng và không có hóa đơn, chứng từ khi giao hàng cho công ty TNHH Cát Nhật M nên T, H nảy sinh nghi ngờ. T hỏi Đ “Sao hàng lại xuất vào ban đêm thế này” thì Đ nói “Mày hỏi làm gì, chỉ cần biết anh thuê chúng mày chở hàng lấy cước thôi”. Lúc này, T, H hiểu rằng số hàng chở cho Đ là do trộm cắp nhưng vì nể nang nên T, H vẫn đồng ý chở số hàng này về công ty TNHH Cát Nhật M và giao cho ông K. Sau khi giao hàng xong, T có gọi điện báo cho Đ biết đồng thời khuyên Đ đừng lấy trộm tài sản của công ty nữa nhưng Đ không đồng ý. Khi hàng về đến công ty TNHH Cát Nhật M thì Đ gọi điện báo cho chị N và tiếp tục nêu lý do kế toán bận chưa xuất được hóa đơn để chị N tin tưởng. Chị N đồng ý mua số hàng này nhưng chưa thanh toán tiền nên Đ đã tự bỏ tiền của mình ra để đưa cho C 4.500.000 đồng, trả tiền cước xe ô tô cho T là 2.000.000 đồng, T đưa hết số tiền này cho H.

Lần thứ ba, chiều ngày 09/4/2022, C bắt xe về nhà để nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương. Đ về sau nên khóa cửa kho xưởng, chìa khóa cửa Đ không cất ở ngăn bàn trong văn phòng mà giấu ở khe cửa bên hông nhà xưởng mục đích để hôm sau quay lại lấy trộm tài sản của công ty. Khoảng 22 giờ ngày 10/4/2022, Đ gặp và rủ T, rồi T rủ H về công ty của Đ để chở hàng, trước khi đi cả T và H đều hiểu là về chở hàng trộm cắp, lần này Đ không nói gì với C. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/4/2022, Đ, T, H đi xe ô tô BKS: 15C- 386.7.. về tới công ty TNHH Hải H ở xóm 10, xã K. Quan sát thấy bảo vệ đang ngủ nên Đ lén lút đi bộ đến lấy chìa khóa cất giấu từ trước, mở cửa phụ bên hông nhà xưởng rồi đi bộ ra phía sau mở cửa sau kho xưởng, còn T, H đi ô tô vòng ra lối cửa sau. Đ lấy mảnh vải che mắt camera, rồi lăn 04 thùng phi keo từ trong kho ra chỗ xe ô tô, T sử dụng thanh gỗ trên xe làm cầu trượt, Đ và T đứng dưới đẩy còn H đứng trên thùng xe kéo lên. Đ vào kho bê thêm 13 cuộn vải, xách 04 thùng keo nhỏ, 41 tấm bìa, 32 cuộn mút ra xe ô tô để T, H xếp lên thùng xe. Đ đóng cửa kho xưởng và cất giấu chìa khóa ở vị trí cũ. Rồi H điều khiển xe ô tô cùng Đ, T chở về Công ty TNHH Cát Nhật M giao hàng. Sáng ngày 11/4/2022, Đ quay lại Công ty TNHH Cát Nhật M gặp chị N để thỏa thuận về việc mua bán. Do nhiều lần bán hàng mà không xuất được hóa đơn nên chị N không đồng ý mua hàng của Đ nữa. Song Đ vẫn để số tài sản trộm cắp được ngày 11/4/2022 ở công ty của chị N.

Nhận thấy lời khai nhận tội của bị cáo Đ, C, T và H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cùng với vật chứng đã thu giữ và biên bản định giá tài sản, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của Đ, C, T và H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của

Công Ty TNHH Hải H qua ba lần, theo các bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Y kết luận: Tổng giá trị tài sản là 226.640.400 đồng. Trong đó Đ trộm cắp 3 lần có tổng trị giá tài sản là 226.640.400 đồng. C trộm cắp 2 lần với tổng trị giá là 141.850.500 đồng. T và H đã trộm cắp 2 lần có tổng trị giá là 124.528.200 đồng.

Nội dung Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy rằng hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi trộm cắp của Đ, C, T và H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với Đ đã chiếm đoạt với giá trị 226.640.400 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo C chiếm đoạt có giá trị 141.850.500 đồng và bị cáo T, H chiếm đoạt có giá trị là 124.528.200 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công ty được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân nói chung và công nhân nhà máy nói riêng, mặt khác còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án có bốn bị cáo tham gia, nhưng mang tính đồng phạm giản đơn và mỗi bị cáo có vai trò và tính chất khác nhau, do đó mức hình phạt áp dụng đối với mỗi bị cáo cũng cần phải cá thể hóa cho phù hợp.

Bị cáo Đ và C là nhân viên của Công ty Hải H, Đ là người khởi xướng và cùng thực hiện việc trộm cắp tài sản của Công ty, nên giữ vai trò đầu trong vụ án, do vậy về trách nhiệm hình sự của Đ phải chịu là nghiêm khắc và cao hơn so với bị cáo C là phù hợp và tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Đối với T và H không phải người của Công ty Hải H, lần đầu nghĩ chở hàng cho Công ty để lấy cước, đến lần hai thì nghi ngờ và biết được hàng chở là do trộm cắp mà có nhưng vì cả nể, do Đ là

anh trai của T, T và H là anh em đồng hao với nhau, do vậy T và H phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức. T được Đ gọi điện đến chở hàng, do H có xe ô tô nên T rủ H về công ty để chở hàng cho Đ, sau lần thứ hai T biết rõ hành vi của Đ nên đã khuyên Đ không nên trộm cắp tài sản của Công ty nữa nhưng Đ không nghe, do đó về trách nhiệm hình sự của bị cáo T phải chịu là cao hơn H là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tác động để gia đình bồi thường toàn bộ tài sản bị thiệt hại cho bị hại, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo H là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh giỏi được Hội Nông dân thành phố Hải phòng tặng Bằng khen. Mặt khác bị cáo H, bố để có thời gian phục vụ trong quân đội, có bác bên ngoại là liệt sỹ và được tặng Huân chương chiến công. Do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Đối với bị cáo H xét thấy có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, để bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt là phù hợp.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và phạm tội rất nghiêm trọng, do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với tính hành vi của mỗi bị cáo, đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có khó khăn, hiện chưa có việc làm nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp với pháp luật.

Trong vụ án này, chị N là người đã mua các tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp. Quá trình điều tra, xác định chị N là Phó giám đốc Công ty TNHH Cát Nhật M. Việc chị N mua hàng của Đ là để nhập nguyên liệu cho công ty, có bảo vệ, kế toán của Công ty TNHH Cát Nhật M biết và có phiếu nhập kho. Qua các lần mua bán, Đ nói với chị N là hàng Công ty thanh lý nên bán giá rẻ hơn thị trường, việc không xuất được hóa đơn là do kế toán Công ty bị ốm. Nên chị N không biết, không buộc phải biết các vật liệu gia công giày da mua của Đ là do trộm cắp mà có. Mặt khác, đến ngày 11/4/2022, khi Đ chở hàng đến Công ty TNHH Cát Nhật M mà không báo trước cho chị N, do không xuất được hóa đơn nên chị N đã nghi ngờ và không mua hàng của Đ nữa. Do đó, hành vi của chị N không cấu thành tội phạm.

[6] Về các biện pháp tư pháp - Trách nhiệm dân sự - Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt vào ngày 06/4/2022 và 11/4/2022, Công ty TNHH Hải H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường

thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Bị cáo Đ, T, C và H đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường số tiền là 100.000.000 đồng cho công ty (mỗi bị cáo 25.000.000 đồng). Công ty TNHH Hải H đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì về phần dân sự, nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã thu giữ và trả lại tài sản đã thu giữ được cho Công ty TNHH Hải H là phù hợp.

- Đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai mang BKS: 15C- 386.7.. là tài sản chung của bị cáo H và chị L hiện đang thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt nam - Chi nhánh Hồ Gươm, theo hợp đồng thế chấp ngày 13/10/ 2021 để vay số tiền 500.000.000 đồng; dư nợ đến ngày 23/12/2022 là 411.130.468 đồng; trong đó gốc là 395.562.697 đồng và nợ lãi 15.567.771 đồng.

- Đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu JAC mang BKS: 15C- 343.5.. là tài sản chung của bị cáo H và chị L đang thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch Kiến An, theo hợp đồng thế chấp ngày 13/11/2019 để vay số tiền 214.000.000 đồng; dư nợ đến ngày 23/8/2022 là 71.600.000 đồng (khoản tiền lãi phát sinh) và 01 thẻ tín dụng vay là 30.000.000 đồng, hiện dư nợ là 27.000.000 đồng (khoản tiền lãi phát sinh), xe đều có đăng ký mang tên bị cáo Vũ Đức H, việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ nên hai ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 297, 298 và Điều 317 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 14 Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Trong thời gian thế chấp hai xe ô tô này bị cáo H đã sử dụng xe này vào việc phạm tội, hai ngân hàng đều không biết nên không có lỗi, do vậy giao 02 xe ô tô này cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y xử lý đấu giá, để thu hồi nợ cho Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt nam - Chi nhánh Hồ Gươm và Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch Kiến An theo quy định của pháp luật. Sau khi xử lý tài sản thu hồi nợ cho các Ngân hàng nếu còn dư thì số tiền còn dư này tịch thu 50% là phần tài sản của bị cáo H để sung ngân sách Nhà nước và trả lại 50% cho chị Đỗ Thị L là phần tài sản chung hợp pháp của chị.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7.

Tịch thu tiêu hủy: 03 chiếc sim điện thoại có số thuê bao 0982.805.11..; số thuê bao 0965.739.86.. mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và số thuê bao 0889.770.80.. mà bị cáo T không có nhu cầu nhận lại, do không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo Đ, C, T, H là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vi các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, đối với Phạm Văn Đ.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Bùi Đình C, Phạm Văn T và Vũ Đức H. Bị cáo H áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Căn cứ các điều 297, 298, 317 của Bộ luật dân sự và Điều 14 Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn Đ, Bùi Đình C, Phạm Văn T và Vũ Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Đình C 36 (ba sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Đức H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 15/4/2022. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, đã thu giữ của bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 chiếc sim điện thoại có số thuê bao 0982.805.11..; số thuê bao 0965.739.86.. mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và số thuê bao 0889.770.80.. mà bị cáo T không có nhu cầu nhận lại, do không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy (sim lắp trong các máy điện thoại đã thu giữ, được niêm phong trong các phong bì).

- Giao chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai mang BKS: 15C- 386.7.. và chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu JAC mang BKS: 15C- 343.5..; xe đều có đăng ký mang tên Vũ Đức H, cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình, xử lý đấu giá, để thu hồi nợ cho Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch Kiến An, dư nợ đến ngày 23/8/2022 là 71.600.000 đồng và 01 thẻ tín dụng vay là 30.000.000 đồng, hiện dư nợ là 27.000.000 đồng (khoản tiền lãi phát sinh) và Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Quốc Tế Việt nam - Chi nhánh Hồ Gươm, đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai mang BKS: 15C- 386.7.. là tài sản chung

của bị cáo H và chị L hiện đang thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt nam - Chi nhánh Hồ Gươm, dư nợ đến ngày 23/12/2022 là 411.130.468 đồng; trong đó gốc là 395.562.697 đồng và nợ lãi 15.567.771 đồng (khoản tiền lãi phát sinh), theo quy định của pháp luật. Sau khi xử lý tài sản thu hồi nợ cho các Ngân hàng nếu còn dư thì số tiền còn dư này tịch thu 50% là phần tài sản của bị cáo H để sung ngân sách Nhà nước và trả lại 50% cho chị Đỗ Thị L là phần tài sản chung hợp pháp của chị.

Vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/10/2022 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Bùi Đình C, Vũ Đức H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; Bị hại, Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.